

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk” tại thôn Nam Kỳ, xã Ea Drong, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk “Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (Cấp lần đầu: ngày 10 tháng 8 năm 2022)”;

Căn cứ Công văn số 2389/STNMT-MT ngày 10/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường “về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk tại thôn Nam Kỳ, xã Ea Drong, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk” và Văn bản số 08/CT đề ngày 31/01/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu trái cây Chánh Thu “V/v đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 37/TTr-STNMT ngày 15/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu trái cây Chánh Thu (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Nam Kỳ, xã Ea Drong, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cư M'gar;
- Công ty CP Tập đoàn XNK trái cây Chánh Thu
(Đ/c: số 68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1,
thành phố HCM);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẾ BIẾN TRÁI CÂY XUẤT KHẨU CHÁNH THU ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk.
- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Nam Kỳ, xã Ea Dơng, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu trái cây Chánh Thu.
- Địa chỉ liên lạc: Số 68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Quy mô sử dụng đất: 99.802 m².
- Quy mô công suất: 70.000 tấn nguyên liệu/năm, gồm có:
 - + Trái cây nguyên trái xuất tươi (sầu riêng): 29.550 tấn/năm;
 - + Trái cây đông lạnh nguyên trái (sầu riêng, chuối, chanh dây, khoai lang, xoài): 24.490 tấn/năm;
 - + Trái cây bóc, tách đông lạnh (sầu riêng tách múi, xoài cắt lát): 15.960 tấn/năm.
- Sản phẩm của Dự án: 56.930 tấn sản phẩm/năm, gồm có:
 - + Trái cây nguyên trái xuất tươi (sầu riêng): 29.255 tấn/năm;
 - + Trái cây đông lạnh nguyên trái (sầu riêng, chuối, chanh dây, khoai lang, xoài): 21.711 tấn/năm;
 - + Trái cây bóc, tách đông lạnh (sầu riêng tách múi, xoài cắt lát): 5.964 tấn/năm.

- Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường không bao gồm: Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng; hoạt động khai thác nguyên liệu, vật liệu phục vụ thi công Dự án; hoạt động rà phá bom mìn trong khu vực triển khai Dự án.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ sản xuất trái cây tươi: Nguyên liệu (sầu riêng tươi nguyên trái) → Phân loại → Đóng gói → Xuất hàng.
- Công nghệ sản xuất trái cây đông lạnh nguyên trái: Nguyên liệu (Sầu riêng, chuối, chanh dây, khoai lang, xoài) → Ngâm rửa → Phân loại → Cấp đông IQF (chọn thời gian cấp đông tùy theo từng loại trái cây khác nhau) → Đóng gói → Kho bảo quản lạnh → Xuất hàng.

- Công nghệ sản xuất trái cây bóc, tách đông lạnh: Nguyên liệu (Sầu riêng, xoài) → Ngâm rửa → Phân loại → Sơ chế (ủ chín sầu riêng, gọt vỏ xoài) → Bóc tách (sầu riêng), cắt lát (xoài) → Lựa chọn (kiểm tra, chọn lựa các sản phẩm đạt yêu cầu, loại bỏ sản phẩm hư hỏng) → Cấp đông IQF (chọn thời gian cấp đông tùy theo từng loại trái cây khác nhau) → Đóng gói → Kho bảo quản lạnh → Xuất hàng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình xây dựng:

STT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)
I	Công trình chính	29.497,0
1.1	Khu nhà xưởng sản xuất	29.497,0
II	Công trình phụ trợ	2.280,7
2.1	Khu văn phòng	510,0
2.2	Khu nhà xe nhân viên	250,0
2.3	Khu nhà xe hơi	152,0
2.4	Khu nhà bảo vệ 1	40,0
2.5	Khu nhà bảo vệ 2	30,0
2.6	Khu nhà ăn và nhà cư trú	1.180,0
2.7	Khu nhà bảo vệ 3	12,0
2.8	Trạm bơm	60,0
2.9	Cầu cân và nhà khử khuẩn	46,7
III	Công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	42.492,8
3.1.	Khu ủ, xử lý vỏ sầu riêng	4.320,0
3.1.1	<i>Khu ủ chín sầu riêng</i>	3.288,0
3.1.2	<i>Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt</i>	20,0
3.1.3	<i>Kho lưu chứa chất thải nguy hại</i>	12,0
3.1.4	<i>Khu vực nghiền, đóng bao</i>	1.000,0
3.2	Hệ thống xử lý nước thải	300,0
3.3	Đất hạ tầng kỹ thuật	4.502,8
3.3.1	<i>Hồ xử lý sự cố, hồ chứa nước mưa</i>	4.000,0
3.3.2	<i>Bồn ni tơ, máy biến áp, khu xử lý nước cấp</i>	502,8
3.4	Đất cây xanh	33.370,0
IV	Đất hành lang an toàn điện	10.615,9
V	Đất giao thông nội bộ	14.915,6
Tổng diện tích		99.802

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

- + Hoạt động phát quang, đào đắp, san gạt mặt bằng;
- + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị;
- + Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án;
- + Hoạt động sinh hoạt của công nhân.
- Trong giai đoạn vận hành:
 - + Hoạt động sản xuất, chế biến trái cây;
 - + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án;
 - + Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị; quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của dự án;
 - + Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất.
 - + Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động phát quang, đào đắp, san gạt mặt bằng; vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị; thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án làm phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và hệ thống giao thông khu vực Dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân làm phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

- Hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ quá trình sản xuất, chế biến trái cây; xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án; vệ sinh, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; sinh hoạt của công nhân: Phát sinh nước thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- Hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ quá trình sản xuất, chế biến trái cây; hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án: Phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải.

- Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 10 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất

lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh. Nước thải xây dựng phát sinh không thường xuyên với số lượng ít.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 15 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

+ Nước thải sản xuất (từ quá trình rửa nguyên liệu (185 m³/ngày.đêm), vệ sinh máy móc thiết bị (5 m³/ngày.đêm): Tổng lưu lượng phát sinh khoảng 190 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là bùn đất, phế phẩm kích cỡ nhỏ, các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động phát quang; đào đắp, san gạt mặt bằng; tập kết nguyên vật liệu; các phương tiện vận chuyển và hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ quá trình sản xuất, chế biến trái cây; hoạt động của các phương tiện vận chuyển và từ quá trình thu gom, lưu chứa, xử lý nước thải, chất thải rắn. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂, CH₄, NH₃.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 90 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 135 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng: Gồm sắt thép vụn, gạch vỡ, vật liệu xây dựng không đạt tiêu chuẩn phát sinh với khối lượng khoảng 4,4 tấn.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sản xuất: Trái cây hư hỏng từ quá trình phân loại và sản phẩm không đạt tiêu chuẩn bị thải bỏ (phát sinh với khối lượng khoảng 13.070 tấn/năm, tương đương với 45 tấn/ngày); bao bì hỏng, thùng giấy hỏng... (phát sinh với khối lượng khoảng 15 kg/ngày).

+ Bùn thải: Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh với khối lượng ít; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của dự án phát sinh với khối lượng khoảng 15 kg/ngày.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh với khối lượng khoảng 3-5 kg/tháng; thành phần chủ yếu là giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh với khối lượng khoảng 61 kg/năm; thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau dính dầu thải, dầu nhớt thải

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động san gạt; vận chuyển vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị; hoạt động thi công trên công trường.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ việc vận hành máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến trái cây; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án.

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Tác động do nước mưa chảy tràn (Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích với lưu lượng lớn nhất khoảng 2.515 m³/ngày; thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát.

+ Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái khu vực, hoạt động giao thông và kinh tế-xã hội khu vực dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Tác động do nước mưa chảy tràn (Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích với lưu lượng lớn nhất khoảng 8.036 m³/ngày).

+ Tác động đến cơ sở hạ tầng, hoạt động giao thông và kinh tế-xã hội khu vực dự án.

+ Tác động do rủi ro, sự cố môi trường (sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố tồn đọng nguyên liệu và chất thải rắn sản xuất), sự cố cháy nổ; tai nạn lao động.

+ Tác động tài nguyên nước dưới đất (Việc khai thác nước dưới đất không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sẽ có nguy cơ làm hạ thấp mực nước ngầm trong khu vực; gây sụt lún các lớp đất đá trong tầng chứa nước, gây sụt lún công trình ...).

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Thuê 02 nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải từ sinh hoạt của công nhân viên tại dự án.

- Nước thải xây dựng: Thu gom vào 01 hố lắng sau đó tận dụng để tưới ẩm nhằm bảo dưỡng công trình xây dựng của dự án.

b) Giai đoạn vận hành:

- Quy trình thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Được thu gom, xử lý sơ bộ (Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn) → Bể thu gom nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa nước thải sinh hoạt → Bể sinh học Anoxic của Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải sản xuất: Được thu gom theo đường ống dẫn nước thải → Bể thu gom nước thải sản xuất (có bố trí 01 giỏ chắn rác thô) → Bể điều hòa nước thải sản xuất → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Hệ thống ống dẫn thu gom nước thải thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và không trùng với đường ống thoát nước khác; có tạo độ dốc để dễ thoát nước. Các hạng mục của công trình xử lý nước thải được thiết kế đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng.

- Quy trình, công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Công suất 250 m³/ngày đêm):

+ Nước thải (nước thải sản xuất sau xử lý tại bể điều hòa nước thải sản xuất) → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể sinh học Anoxic (thu gom cùng với nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể điều hòa nước thải sinh hoạt) → Bể sinh học Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian kết hợp Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) → Xả vào nguồn tiếp nhận (Suối Ea Kua phía Tây Bắc dự án).

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát; đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án theo đúng quy định. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$); đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công:

- Ưu tiên xây dựng hạng mục tường rào bao quanh dự án để giảm thiểu tác động của quá trình xây dựng tới khu vực lân cận.

- Tận dụng lượng chất thải rắn xây dựng để san lấp mặt bằng, hạn chế vận chuyển ra ngoài Dự án.

- Tất cả các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực dự án được phủ bạt để hạn chế việc rơi vãi, phát tán chất thải trên đường vận chuyển; chở đúng tải trọng quy định; phun nước tưới ẩm nhằm giảm thiểu lượng bụi trên công trường với tần suất 02 lần/ngày vào những ngày nắng nóng.

- Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng phù hợp, có phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, cụ thể như sau:

+ Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

+ Các phương tiện vận tải (vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Dự án) được phủ bạt kín để hạn chế rơi vãi nguyên vật liệu hoặc phát tán chất thải ra môi trường; chở đúng tải trọng quy định.

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:

+ Nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng, đảm bảo khả năng thông gió tự nhiên, riêng đối với khu vực sản xuất được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp và lắp đặt các quạt thông gió để đảm bảo lưu thông không khí, hạn chế phát sinh mùi.

+ Trồng cây xanh xung quanh dự án (diện tích khoảng 33.370 m²) để tạo cảnh quan và điều hòa điều kiện vi khí hậu; đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

+ Bê tông hóa sân và đường nội bộ dự án, bố trí công nhân quét dọn thường xuyên để hạn chế bụi, khí thải từ khu vực bên ngoài phát tán vào khu vực sản xuất.

- Giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải:

+ Hệ thống thu gom nước thải là ống nhựa PVC, thiết kế hệ thống có độ dốc phù hợp để tránh hiện tượng ứ đọng nước thải, gây mùi hôi.

+ Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải thông qua thiết kế các bể xử lý (có nắp đậy kín, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định).

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình để hạn chế phát tán khí thải, mùi hôi; định kỳ bảo dưỡng, duy tu hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

- Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình thu gom, xử lý phế phụ phẩm, lưu chứa chất thải của dự án.

+ Phế phẩm, phụ phẩm từ quá trình sản xuất (vỏ trái cây, trái cây hư hỏng loại thải...) được thu gom vào các thùng chứa (dung tích 660 lít, có nắp đậy kín) để hạn chế tối đa phát sinh mùi. Cuối mỗi ngày được vận chuyển về khu vực nghiền, đóng bao (diện tích 1.000 m², bố trí trong khu ủ, xử lý vỏ sấu riêng) để

nghiên, ép, xử lý sơ bộ (trộn chế phẩm sinh học EM để giảm phát sinh mùi), sau đó đóng bao và chuyển đến các vườn cây trồng của Công ty tại Đắc Lắc để ủ làm phân bón với tần suất vận chuyển tối thiểu là 02 ngày/lần (Không thực hiện quy trình ủ phân tại dự án và không lưu chứa chất thải tại Dự án quá 02 ngày để tránh phát sinh mùi hôi).

+ Khu vực nghiền, đóng bao được xây dựng tách riêng với các khu vực lưu chứa chất thải (có tường bao kín, có mái che, nền bê tông, có bố trí mương thu nước kín để thu gom nước thải từ quá trình nghiền, ép phế phụ phẩm dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án).

+ Bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại riêng biệt, cách xa khu sản xuất.

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Bố trí 01 thùng chứa có nắp đậy (loại dung tích 120 lít) để lưu chứa tạm thời chất thải thực phẩm, sau đó hợp đồng với đơn vị hoạt động dịch vụ môi trường của địa phương để thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày; chất thải có thể tái sử dụng, tái chế được lưu chứa tạm thời vào 01 thùng chứa có nắp đậy (loại dung tích 120 lít), sau đó bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Lượng đất, đá thải được tận dụng vào san lấp mặt bằng. Toàn bộ chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn thực phẩm (Rau củ, hoa quả, thực phẩm thừa ...): Lưu chứa trong các thùng có nắp đậy (Loại dung tích 120 lít) đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà xưởng sản xuất, văn phòng. Cuối mỗi ngày, công nhân của dự án sẽ vận chuyển lượng chất thải này về kho lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt (diện tích 20m², được xây dựng khép kín bằng tôn, đặt trong khu vực ủ, xử lý vô sàu riêng). Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị hoạt động dịch vụ môi trường của địa phương để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

+ Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thu gom, lưu chứa vào thùng chứa (Loại dung tích 120 lít) đặt tại khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải sản xuất:

+ Phế phẩm, phụ phẩm từ quá trình sản xuất (vỏ trái cây, trái cây hư hỏng loại thải...) được thu gom vào các thùng chứa (dung tích 660 lít, có nắp đậy kín) để hạn chế tối đa phát sinh mùi. Cuối mỗi ngày được vận chuyển về khu vực nghiền, đóng bao (diện tích 1.000 m², được xây dựng khép kín bằng tôn, đặt trong khu vực ủ, xử lý vỏ sấu riêng) để nghiền, ép, xử lý sơ bộ (trộn chế phẩm sinh học EM để giảm phát sinh mùi), sau đó đóng bao và chuyển đến các vườn cây trồng của Công ty tại Đắc Lắc để ủ làm phân bón, tần suất vận chuyển tối thiểu là 02 ngày/lần.

+ Bao bì, thùng giấy thải... được thu gom, lưu chứa vào thùng chứa (Loại dung tích 120 lít) đặt tại khu vực nghiền, đóng bao, sau đó bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Bùn thải: Được thu gom định kỳ và quản lý theo quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển theo đúng quy định với tần suất 6 tháng/lần.

- Công trình: Kho lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt (Diện tích 20 m², được xây dựng khép kín bằng tôn, đặt trong khu vực ủ, xử lý vỏ sấu riêng).

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.2.2. *Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại (CTNH)*:

a) *Giai đoạn thi công, xây dựng*: Thu gom, phân loại CTNH và lưu chứa trong các thùng chứa (60 lít, có nắp đậy kín, có dán nhãn phân loại theo quy định), bố trí khu vực lưu chứa tạm thời CTNH (diện tích khoảng 12 m², có tường bao, mái che kín, có dán nhãn cảnh báo theo quy định). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

b) *Giai đoạn vận hành*:

- Thực hiện thu gom, phân loại, quản lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với các loại CTNH (bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải... phát sinh từ quá trình vận hành của dự án): lưu chứa trong các thùng chứa (loại 60 lít, có nắp đậy kín, có dán nhãn phân loại theo quy định); lưu giữ trong kho lưu chứa tạm thời CTNH (Diện tích 12 m², có tường bao, mái che kín, có dán nhãn cảnh báo theo quy định, đặt trong khu vực ủ, xử lý vỏ sấu riêng). Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

- Công trình: Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại (Diện tích 12 m², có tường bao, mái che kín, có dán nhãn cảnh báo theo quy định, đặt trong khu vực ủ, xử lý vỏ sấu riêng).

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công:

- Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đã được đăng kiểm đúng quy định trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì và thực hiện đăng kiểm theo đúng quy định đối với các phương tiện vận chuyển nhằm đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Xây dựng nhà xưởng đúng tiêu chuẩn thiết kế quy định.

- Gia cố chân đế, móng hoặc lắp đặt đế chống ồn đối với các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn khi vận hành.

+ Các máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị theo quy định.

+ Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ...

- Bố trí hàng rào bao quanh Dự án, trồng cây xanh xung quanh dự án (diện tích khoảng 33.370 m²) để tạo cảnh quan và điều hòa điều kiện vi khí hậu; đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về xử lý nước thải:

- Xây dựng, hoàn thiện các công trình theo đúng quy mô thiết kế, cao độ xây dựng công trình.

- Thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải (Do vận hành không hiệu quả hoặc cần kiểm tra, sửa chữa), toàn bộ nước thải chưa xử lý được bơm về hồ

sự cố và tiến hành tạm dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, bơm nước từ hồ sự cố trở lại Bể điều hòa nước thải sản xuất của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý; đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Xây dựng 01 hồ sự cố (thể tích 2.400 m³, lót bạt HDPE chống thấm) để lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và có lắp đặt hệ thống ống, bơm để bơm toàn bộ nước quay vòng lại hệ thống xử lý nước thải để xử lý sau khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ

- Ban hành và giám sát thực hiện các nội quy làm việc tại Dự án (Gồm có: nội quy ra, vào Dự án; nội quy về an toàn lao động và sử dụng thiết bị; nội quy về an toàn điện, phòng chống cháy nổ).

- Thiết kế đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hỏa đến được tất cả các vị trí của dự án.

- Đảm bảo hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống máy bơm chữa cháy được lắp đặt, vận hành đúng theo thiết kế kỹ thuật; trang bị đầy đủ các dụng cụ PCCC như bình chữa cháy, cát, thang chữa cháy ... để chủ động ứng phó khi có sự cố cháy nổ.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét cho các nhà xưởng sản xuất, văn phòng theo tiêu chuẩn về chống sét cho các công trình xây dựng.

- Các trang thiết bị có sử dụng điện được kiểm tra, bảo trì theo quy định; bảo đảm tiêu chuẩn an toàn điện, không gây nguy hiểm cho người sử dụng.

c) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động và vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc tại Dự án.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

a) Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

- + Thường xuyên khơi thông dòng chảy, không để xảy ra tình trạng ngập úng khu vực dự án và vùng lân cận.

- + Che chắn bãi tập kết nguyên vật liệu, bố trí rãnh thoát nước mưa để hạn chế làm thất thoát nguyên vật liệu và gây ô nhiễm môi trường.

- + Quản lý chất thải xây dựng phát sinh trên công trường theo đúng quy định, không để phát tán dầu nhớt thải vào đất hoặc trôi theo dòng nước.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bố trí hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải. Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án → Thu gom theo hệ thống mương dẫn nội bộ bằng bê tông (Bố trí dọc theo tuyến đường nội bộ, sân bãi và các hạng mục công trình như: xưởng sản xuất, khu phụ trợ ...) → Thoát về hồ chứa nước mưa của dự án.

+ Xây dựng 01 hồ chứa nước mưa (thể tích hữu ích là 11.900 m³) để lưu chứa nước mưa chảy tràn của dự án, phục vụ cho hoạt động tưới cây xanh trong khuôn viên dự án nhằm hạn chế việc sử dụng nước dưới đất.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động khai thác nước dưới đất:

- Tuân thủ đúng các quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác nước dưới đất phục vụ Dự án.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát diễn biến lưu lượng, mực nước, chất lượng nguồn nước tại giếng khai thác.

- Báo cơ quan chức năng khi phát hiện có dấu hiệu bất thường xảy ra (Hiện tượng sụt mực nước ngầm; sụt lún các công trình xung quanh khu vực khai thác; thay đổi về chất lượng nước ngầm ...).

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong quá trình triển khai xây dựng.

- Vị trí: 02 điểm (Tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động xây dựng của Dự án, về phía cuối hướng gió).

- Thông số: Tiếng ồn, Bụi tổng số, CO, SO₂, NO₂.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi khi phát sinh chất thải) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.1.3. Giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún, sạt lở, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.
- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án

5.3.1. Giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

5.3.2. Giám sát nước mặt

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 điểm (tại suối Ea Kua phía Tây Bắc dự án, cách vị trí xả nước thải vào nguồn nước của dự án khoảng 50m về phía thượng nguồn và hạ nguồn).

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, DO, Tổng chất rắn lơ lửng, Amoni, Phosphat, Tổng dầu, mỡ, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

5.3.3. Giám sát chất lượng nước dưới đất:

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 điểm tại giếng khoan của Dự án.
- Thông số giám sát: pH, Độ cứng tổng số (theo CaCO₃), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amôni (NH₄⁺ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Clorua (Cl⁻), Asen (As), Coliform, E. Coli.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: kho lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và

chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3.5. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác liên quan.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được phép triển khai dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo đúng quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm thiểu mùi phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu chứa chất thải tại dự án, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Chủ động phối hợp với

cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai, vận hành dự án.

6.4. Xây dựng các công trình xử lý chất thải; mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ; thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

6.5. Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận (suối Ea Kua).

6.6. Đảm bảo khoảng cách, hành lang an toàn trong khu vực dự án và các đối tượng xung quanh, đảm bảo an toàn lộ giới theo đúng quy định của pháp luật.

6.7. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Chỉ được khai thác, sử dụng nước dưới đất sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và thực hiện khai thác với lưu lượng phù hợp với trữ lượng nước dưới đất tại khu vực được phê duyệt, phù hợp với Giấy phép khai thác được cấp.

6.8. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.9. Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.10. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện nghiêm chương trình quản lý, giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.11. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.